

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 67/2019/DS-PT
Ngày 30-10 -2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng
Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T-Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cù Minh T- Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh tỉnh N. Theo văn bản ủy quyền ngày số 310/QĐ-BIDV.ND ngày 03-10-2019.

Địa chỉ: đường H, phường V, thành phố N.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn K, sinh năm 1978; địa chỉ: thị trấn T, huyện H, tỉnh N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn:

Luật sư Nguyễn Đức H thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Lại Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: thị trấn T, huyện H, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Đỗ Đức T, sinh năm 1995; địa chỉ liên hệ: Đường T, phường D, quận C, thành phố H. Theo văn bản ủy quyền ngày 14-10-2019.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Anh Vũ Văn K. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lại Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông T, ông K, Ông T, ông H có mặt. Vắng mặt Bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Cù Minh T trình bày:

Ngày 28-5-2015 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh N (viết tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 02/2015/6288270/HĐTD (viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 02) và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 với Ông Vũ Văn K với nội dung cơ bản là Ngân hàng cho ông K vay 14.021.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, thời hạn cho vay là 11 năm (sau sửa đổi thành 16 năm), mục đích để đóng tàu mới vỏ thép và trang thiết bị, ngư lưới cụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07-7-2014 của Chính phủ.

Ngân hàng đã giải ngân cho ông K là 13.619.000.000đ. Theo hợp đồng tín dụng, ông K được ân hạn không phải trả gốc, lãi là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 20-6-2016, nợ gốc trả mỗi quý 01 lần với số tiền 350.000.000đ/quý trong các kỳ đầu, kỳ cuối trả 580.000.000đ. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, ông K thế chấp tại Ngân hàng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6288270/HĐBĐ ngày 28-5-2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 07-7-2016 và ngày 25-7-2017. Tài sản thế chấp là 01 tàu vỏ thép lưới rê, đóng mới, kích thước vỏ tàu Lmax- Bmax-D (m): 28,0m x 7,4m x 3,1m; 02 máy chính nhãn hiệu Yanmar với tổng công suất 1.055CV và các ngư lưới cụ kèm theo (400cheo) là tài sản hình thành từ vốn vay. Ngày 18-6-2016 Chi cục thủy sản N cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tên tàu là H789, số đăng ký NĐ - 95789- TS chủ tàu là Ông Vũ Văn K. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông K đã trả tiền gốc và lãi như sau:

Tiền gốc: Từ ngày 20-7-2016 đến ngày 20-10-2017 đã trả tổng cộng 1.520.000.000đ. Tiền lãi: Từ ngày 19-6-2016 đến ngày 21-01-2018 đã trả tổng cộng 196.468.167đ. Nhưng từ kỳ hạn thanh toán gốc và lãi ngày 22-01-2018

ông K không thanh toán gốc và lãi theo thỏa thuận, do vậy, Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 22-01-2018.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông K phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam, Chi nhánh tỉnh N tính đến ngày 25-7-2019 là: 12.424.542.666đ, trong đó nợ gốc là 12.099.000.000đ, nợ lãi là 300.671.666đ, lãi trên nợ gốc quá hạn là 24.871.000đ. Trường hợp sau khi thanh lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ gốc và nợ lãi, thì ông K phải có trách nhiệm dùng mọi nguồn thu và các tài sản khác để trả nợ tiếp cho đến khi trả hết nợ gốc, nợ lãi đối với Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 20-04-2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông K trình bày:

Ông công nhận có ký với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh tỉnh N hợp đồng tín dụng số 02/2015/6288270/HĐTD vay là 13.619.000.000đ, thời hạn vay 16 năm, mục đích vay đóng tàu mới vỏ thép khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

Quá trình thực hiện dự án, vợ chồng ông đã trả được một số khoản gốc và lãi như Ngân hàng trình bày. Do khai khác không hiệu quả nên vợ chồng ông chỉ nhất trí bàn giao tàu theo Nghị định 17, chứ không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngoài ra, ông đề nghị Ngân hàng xem lại hợp đồng vì khi ký hợp đồng vay 14.021.000.000đ, nhưng đến nay mới được giải ngân 13.619.000.000đ (thiếu 402.000.000đ). Theo quy định vợ chồng ông chỉ chịu 5% vốn đối ứng với số tiền là 680.000.000đ, nhưng khi đối ứng Ngân hàng lại yêu cầu ông phải nộp 750.000.000đ (vượt 70.000.000đ), ngoài ra trong hợp đồng ký kết giữa 02 bên có ghi nếu xảy ra tranh chấp thì Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định sẽ giải quyết vụ án nên ông không nhất trí giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Về các ý kiến của bị đơn, đại diện Ngân hàng trình bày:

Hợp đồng tín dụng số 02 giữa Ngân hàng và ông K có thỏa thuận cho ông K vay 14.230.000.000đ, trong quá trình thực hiện dự án, trên cơ sở chi phí thực tế do ông K cung cấp và theo đề nghị của ông K, Ngân hàng đã tiến hành thẩm định lại dự án và điều chỉnh tổng vốn đầu tư dự án. Lý do Ngân hàng chưa giải ngân hết là do trong hồ sơ quyết toán đóng tàu của Công ty cổ phần kinh tế T, do ông K cung cấp cho Ngân hàng, do hạng mục động cơ máy phát điện 40k VA là máy Nhật đã qua sử dụng còn 90% và bản thân ông K cũng có đơn đề nghị không giải ngân hạng mục này.

Vốn đối ứng tham gia dự án, tại ngày giải ngân lần cuối 08-9-2016, tổng số tiền ông K tham gia dự án là 750.000.000đ, số tiền này được thực hiện xong vào ngày 01-9-2015, trước khi Ngân hàng điều chỉnh giảm số tiền cho vay việc ông K tham gia vốn tự có lớn hơn Ngân hàng xét duyệt không thuộc trường hợp pháp luật cấm, nên việc góp vốn trên càng làm cho dự án tốt hơn, hiệu quả hơn. Về việc chọn Tòa án giải quyết vụ án là do sai sót trong việc soạn thảo hợp

đồng. Đến nay Ngân hàng vẫn nhất trí chọn Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án này. Ngoài ra, trong hợp đồng tín dụng cũng như toàn bộ dự án vay tín dụng đóng tàu do ông K đứng lên ký kết với Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng không đề nghị Tòa án buộc Bà H cùng với ông K phải trả nợ cho Ngân hàng.

Tại bản án dân sự số 49/2019/DS-ST ngày 25-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã quyết định. Căn cứ các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 146, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 9, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh tỉnh N.

Buộc Ông Vũ Văn K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh tỉnh N số tiền tính đến hết ngày 25-7-2019 là: 12.424.542.666đ trong đó nợ gốc 12.099.000.000đ, số tiền lãi chưa thanh toán 300.671.666đ, lãi trên nợ gốc quá hạn là 24.871.000đ.

2. Trường hợp ông K không trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2015/6288270/HĐBĐ ngày 28-5-2015, tài sản là 01 tàu vỏ thép nghề lưới rê, tổng công suất 2 máy chính 1055CV và các ngư lưới cụ kèm theo (400 cheo) đứng tên chủ sở hữu là ông K. Nếu số tiền thu về vượt quá tổng số tiền nêu trên thì ông K được nhận lại phần chênh lệch thừa. Nếu số tiền thu về không đủ tổng số tiền nêu trên thì ông K phải tiếp tục thi hành phần chênh lệch còn thiếu đối với Ngân hàng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07-8-2019 Ông Vũ Văn K và Bà Lại Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm xét xử không khách quan và trái pháp luật, không bảo đảm được quyền lợi cho ông bà. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án nêu trên theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Ông Vũ Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nhất trí với lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của Bà H trình bày: Cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng: Không triệu tập Luật sư đến phiên tòa ngày 25-7-2019. Thủ lý đơn khởi kiện là trái pháp luật không đúng khoản 3 Điều 189 BLTTDS.

Về nội dung: Buộc ông K phải trả nợ gốc, nợ lãi phát sinh là trái pháp luật vì thời hạn vay vẫn còn. Hợp thế chấp được hình thành trong tương lai ngày 28-

5-2015 và các văn bản bổ sung là vô hiệu vì Bà H không ký và không ủy quyền cho ông K ký hợp đồng thế chấp. Cấp sơ thẩm không chấp nhận cơ chế chuyển đổi chủ tàu theo Nghị định 17 là trái pháp luật và cấp sơ thẩm không hướng dẫn ông K làm thủ tục phản tố là trái pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 308, Điều 310 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ông Vũ Văn K nhất trí với lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà H trình bày: Cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản tố tụng cho bà H mặc dù đã tổng đạt cho ông K. Các văn bản tố tụng chỉ tổng đạt cho ông K. Bà H chỉ nghe ông K nói xét xử vào ngày 4-7-2019. Do cấp sơ thẩm vi phạm các Điều 22, Điều 48, Điều 170, Điều 171 và Điều 220 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K và Bà H và giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K và Bà H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Ông Vũ Văn K và Bà Lại Thị H thấy:

[1] Về việc thụ lý vụ án: Người đại diện cho Ngân hàng Đ có văn bản ủy quyền thường xuyên ngày 26-11-2018 cho người đứng đầu các Chi nhánh có quyền khởi kiện tại Tòa án đồng thời có quyền ủy quyền lại cho người thứ ba ký đơn khởi kiện, do vậy ngày 14-02-2019 người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Ngân hàng Đ ủy quyền cho Ông Cù Minh T ký đơn khởi kiện là phù hợp với Điều 189 BLTTDS. Luật sư cho rằng cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là không đúng quy định của pháp luật không được chấp nhận.

[2] Căn cứ vào ký hợp đồng tín dụng số 02 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 và hợp đồng thế chấp số tài sản số 01/2015/6288270/HĐBĐ ngày 28-5-2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 07-7-2016 và ngày 25-7-2017 đều phản ánh ông K ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay vốn đóng tàu cá và thế chấp tài cá được hình thành từ vốn vay cho Ngân hàng, đồng thời giấy chứng nhận tàu cá

được hình thành từ vốn vay do Chi cục Thủy sản tỉnh N cấp ngày 18-6-2016 đứng tên ông K. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định Bà Lại Thị H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không phù hợp. Do vậy, kháng cáo của chị H sẽ không được xem xét. Đối với số tiền tạm ứng án dân sự phúc thẩm chị H đã nộp được hoàn lại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông K, ông K đã có bản tự khai và đã tham gia phiên họp cận không khai chứng cứ và hòa giải và được giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa, nhưng hồ sơ vụ án không lưu biên bản giao nhận giấy triệu tập Luật sư đến phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông K nhưng còn thiếu sót về việc giao nhận giấy triệu tập phiên tòa đối với Luật sư, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm ông K đã kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông K đã tham phiên tòa, vì vậy quyền lợi của đương sự đã được bảo đảm.

[4] Về nội dung: Ngày 28-5-2015 Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 02 với Ông Vũ Văn K cho ông K vay 14.021.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, thời hạn cho vay là 11 năm (sau sửa đổi thành 16 năm), mục đích để đóng tàu mới vỏ thép và trang thiết bị, ngư lưới cụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07-7-2014 của Chính phủ. Ngân hàng đã giải ngân cho ông K là 13.619.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã trả cho Ngân hàng tiền gốc từ ngày 20-7-2016 đến ngày 20-10-2017 là cộng 1.520.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 19-6-2016 đến ngày 21-01-2018 là 196.468.167đ. Sau đó, ông K không trả gốc và lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận về kế hoạch trả nợ gốc, nợ lãi theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 02. Căn cứ khoản 6 Điều 9 của hợp đồng tín dụng số 02 việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông K phải trả nợ gốc, nợ lãi là phù hợp.

[5] Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 25-7-2019 thì ông K còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 12.424.542.666đ trong đó nợ gốc 12.099.000.000đ, số tiền lãi chưa thanh toán 300.671.666đ, lãi trên nợ gốc quá hạn là 24.871.000đ. Do vậy, buộc ông K phải thanh toán nợ gốc là nợ lãi nêu trên là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[6] Để bảo đảm cho món vay theo hợp đồng tín dụng số 02 ông K đã thế chấp tài sản là con tàu mang tên H789, số đăng ký NĐ - 95789- TS là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6288270/HĐBĐ ngày 28-5-2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 07-7-2016 và ngày 25-7-2017. Xét thấy, hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực.

[7] Do vậy, ông K không trả hết nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 02 thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận cơ chế chuyển đổi tàu theo Nghị định 17 của Chính phủ và không hướng dẫn ông K làm thủ tục phản tố là trái pháp luật. Xét thấy, việc ông K đề nghị chuyển đổi chủ tàu không được Ngân hàng chấp nhận, mặt khác theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu chuyển đổi chủ tàu không phải là yêu cầu phản tố nên không được chấp nhận.

[9] Do giữ nguyên án sơ thẩm, ông K phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ các Điều 388, 342, 343, 351, 355 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh N.

Buộc Ông Vũ Văn K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh tỉnh N số tiền tính đến hết ngày 25-7-2019 là 12.424.542.666đ, trong đó nợ gốc 12.099.000.000đ, số tiền lãi chưa thanh toán 300.671.666đ, lãi trên nợ gốc quá hạn là 24.871.000đ.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Trường hợp ông K không trả gốc, nợ lãi theo quyết định của bản án nêu trên, thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/6288270/HĐBĐ ngày 28-5-2015 tài sản là 01 tàu vỏ thép đóng mới, tổng công suất 2 máy chính 1055CV và các ngư lưới cụ kèm theo (400 cheo) tên tàu là H789, số đăng ký NĐ - 95789- TS do Chi cục thủy sản N cấp ngày 18-6-2016 mang tên Ông Vũ Văn K.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nếu còn thừa thì trả lại cho Ông Vũ Văn K. Nếu tài sản phát mại không đủ để trả nợ thì ông K phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh N cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K phải nộp là 300.000đ nhưng được đối trừ với số tiền ông K đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ tại biên lai số 0001757 ngày 13-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Ông K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà H số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ tại biên lai số 0001759 ngày 13-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải nộp 120.425.000đ. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh tỉnh N số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000362 ngày 26-3-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Minh Hồng

Mai Anh Tuấn

Vũ Thị Thu

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TANDTP Nam Định;
- Chi cục THADSTP Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu